

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST.
Ngày: 02-8-2019.
*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long.

2. Bà Võ Thị Kim Sinh.

- **Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Mai - Công chức Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019, về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Mai Thị C, sinh năm: 1975.

Cư trú tại: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Phan Bích N, sinh năm: 1957.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Khắc C, sinh năm: 1950.

Bà N, ông C cùng cư trú tại: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và những lời khai trình trước tòa, bà Mai Thị C là nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên bà có cho bà Phan Bích N vay số tiền 158.000.000 đồng để làm ăn, nhưng bà Bích N không trả. Đến ngày 30/12/2018 bà N cùng chồng là ông Trương Khắc C có viết Giấy thỏa thuận trả nợ xác nhận bà N còn nợ của bà 158.000.000 đồng và thỏa thuận mỗi tháng bà N và

ông C phải trả cho bà 3.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, nhưng bà N, ông C không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay bà yêu cầu bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C phải liên đới trả cho bà số nợ 158.000.000 đồng trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Phan Bích N trình bày:* Hiện nay bà còn thiếu nợ của bà Mai Thị C số tiền 158.000.000 đồng đúng như bà Mai Thị C trình bày. Trước đây bà có hẹn với bà C mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, nhưng do mới trồng thanh long chưa có thu nhập nên bà không trả theo thỏa thuận được. Nay thanh long đã có thu nhập hàng tháng nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ trên.

- *Ông Trương Khắc C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Việc vay mượn tiền giữa vợ ông là bà N với bà C ông không được biết, đến khi bà N đem giấy xác nhận nợ về kêu ông ký tên thì ông có ký tên để cùng trả nợ với bà N. Nay ông đồng ý cùng với bà N trả nợ cho bà C, nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng như lời trình bày của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Mai Thị C với bà Phan Bích N có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định.

[2] Xét thấy giữa bà Mai Thị C với bà Phan Bích N khai trình thống nhất về số nợ gốc vay hiện nay bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C còn thiếu nợ gốc vay của bà Mai Thị C số tiền 158.000.000 đồng, nhưng các đương sự không thống nhất về cách thức và thời gian thanh toán nợ.

[3] Bà Mai Thị C yêu cầu bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C phải liên đới hoàn trả số nợ gốc vay số tiền là 158.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C đồng ý trả nợ cho bà C nhưng xin trả dần số nợ gốc vay mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi xong nợ. Xét thấy yêu cầu của bà N, ông C không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Xét thấy yêu cầu của bà Mai Thị C phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được xem xét chấp nhận. Cần buộc bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C phải liên đới hoàn trả cho bà Mai Thị C số tiền là 158.000.000 đồng gốc vay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà N và ông C có đơn xin miễn án phí, lý do là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí cho bà N, ông C. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
 - Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
 - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Mai Thị C đối với bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C.

Buộc bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc vay cho bà Mai Thị C số tiền 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí cho bà Phan Bích N và ông Trương Khắc C. Bà Mai Thị C không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị C đã nộp là 3.950.000 đồng, theo biên lai thu số 0001169 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái